

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1172/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 24 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Cao Bằng về việc tổ chức kỳ họp thứ 30 (chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết Phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 của các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho tỉnh Cao Bằng tại Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16/4/2025, trong đó tổng dự toán chi thường xuyên là 450.088 triệu đồng.

Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 4 của Nghị quyết 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình MTQG: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần.”*

Trên cơ sở kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung năm 2025, HĐND tỉnh cần ban hành Nghị quyết phân bổ dự toán chi tiết đến dự án thành phần để các cơ quan, đơn vị và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và có thể giải ngân ngay trong đầu Quý II/2025.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết

Nghị quyết được xây dựng nhằm phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025; việc phân bổ vốn đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định; góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân.

2.2. Phương án phân bổ và giao dự toán

a) **Nguồn kinh phí:** 450.088 triệu đồng từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung cho tỉnh Cao Bằng.

b) Phương án phân bổ:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025: 450.088 triệu đồng (*Bốn trăm năm mươi tỷ không trăm tám mươi tám triệu đồng*), trong đó:

+ Phân bổ bổ sung dự toán cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 82.673 triệu đồng.

+ Phân bổ bổ sung dự toán cho các huyện, thành phố: 367.415 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu kèm theo)

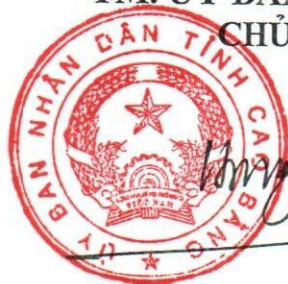
Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; (2) Báo cáo của Sở Tài chính giải trình, tiếp thu ý kiến của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đối với dự thảo Nghị quyết).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, Dân tộc và Tôn giáo;
- VP UBND: LĐVP, CV TH, KT;
- Lưu: VT, TH(Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, các Văn bản hướng dẫn Luật; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/1/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp dự toán thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

2. Trên cơ sở dự kiến của các đơn vị và kinh phí trung ương giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Sở Tài chính đã tổng hợp, xây dựng phương án dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Dự thảo Nghị quyết đã được thực hiện lấy ý kiến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, lãnh đạo UBND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh. Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến góp ý, đủ điều kiện trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều

Điều 1. Phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Điều 2, Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nguyên tắc phân bổ

a) Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

b) Đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; Số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023.



PHỤ LỤC
PHÂN BỐ SỔ SỔNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số MB/TT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(Signature)

Đơn vị: Triệu đồng

CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG		Ngân sách Trung ương										Ghi chú	
TT	Cộng vốn sự nghiệp phân bổ NSTW	Vốn sự nghiệp											
		Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10		
	Tổng cộng toàn tỉnh	450.088	18.241	715	260.556	49.513	65.924	11.155	10.011	19.965	6.869	7.139	
A	Số, ban, ngành tỉnh	82.673	-	-	24.158	-	26.055	4.840	9.438	10.500	3.289	4.393	
1	Số Dân tộc và Tôn giáo	24.304					19.287				2.631	2.386	
2	Số Nông nghiệp và môi trường	17.351			17.268							83	
3	Số Giáo dục và Đào tạo	5.763					5.763						
4	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	17										17	
5	Số Nội vụ	2.646					1.005			1.575		66	
6	Số Văn hóa-Thể thao và Du lịch	4.873						4.840				33	
7	Số Y tế	10.179							9.438		658	83	
8	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	8.970							8.925			45	
9	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	-											
10	Số Tài chính	83										83	
11	Số Xây dựng												
12	Số Công Thương	4.865			4.832							33	
13	Công an tỉnh	17										17	
14	Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy	-											
15	Số Tư pháp	1.154										1.154	
16	Số Khoa học và Công nghệ	33										33	
17	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	33										33	
18	Hội Nông dân tỉnh	865			850							15	
19	Số Ngoại vụ	279										279	
20	Số Khoa học và Công nghệ	-											
21	Tỉnh Đoàn Thanh niên	1.241			1.208							33	
B	Cấp huyện	367.415	18.241	715	236.398	49.513	39.869	6.315	573	9.465	3.580	2.746	
1	Bảo Lâm	41.898	6.139	60	25.578	1.885	6.948	585	99		312	292	
2	Bảo Lạc	46.201	1.794		25.729	14.304		765		2.869	376	364	
3	Nguyễn Bình	60.822	1.843		44.062	1.180	9.196	765	124	2.887	392	373	
4	Hà Quảng	45.972			28.412	5.118	8.661	945	136	1.500	600	600	
5	Hòa An	29.229	6.447	30	12.489	2.987	5.911	675	93		296	301	
6	Trùng Khánh	37.612	740		23.831	11.402	800				839		
7	Hà Lang	31.795	374		22.812	6.062	1.383	585			296	283	
8	Quảng Hòa	34.733	904		31.033	1.177		855			380	384	
9	Thạch An	36.159		625	22.452	5.398	4.749	630	96	2.209			
10	TP. Cao Bằng	2.994				2.221	510		25		89	149	

Số: /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 4 năm 2025

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 30 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm

2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 của các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với tổng kinh phí là: 450.088 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Phân bổ bổ sung dự toán cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 82.673 triệu đồng.
- Phân bổ bổ sung dự toán cho các huyện, thành phố: 367.415 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 30 (chuyên đề) thông qua ngày tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;;
- Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

**PHỤ LỤC: PHÂN BỐ BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Ngân sách Trung ương											Ghi chú
		Cộng vốn sự nghiệp phân bổ NSTW	Vốn sự nghiệp										
			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10	
	Tổng cộng toàn tỉnh	450.088	18.241	715	260.556	49.513	65.924	11.155	10.011	19.965	6.869	7.139	
A	Sở, ban, ngành tỉnh	82.673	-	-	24.158	-	26.055	4.840	9.438	10.500	3.289	4.393	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	24.304					19.287				2.631	2.386	
2	Sở Nông nghiệp và môi trường	17.351			17.268							83	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.763					5.763						
4	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	17										17	
5	Sở Nội vụ	2.646					1.005			1.575		66	
6	Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch	4.873						4.840				33	
7	Sở Y tế	10.179							9.438		658	83	
8	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	8.970								8.925		45	
9	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	-											
10	Sở Tài chính	83										83	
11	Sở Xây dựng												
12	Sở Công Thương	4.865			4.832							33	
13	Công an tỉnh	17										17	
14	Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy	-											
15	Sở Tư pháp	1.154										1.154	
16	Sở Khoa học và Công nghệ	33										33	
17	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	33										33	
18	Hội Nông dân tỉnh	865			850							15	
19	Sở Ngoại vụ	279										279	
20	Sở Khoa học và Công nghệ	-											
21	Tỉnh Đoàn Thanh niên	1.241			1.208							33	
B	Cấp huyện	367.415	18.241	715	236.398	49.513	39.869	6.315	573	9.465	3.580	2.746	
1	Bảo Lâm	41.898	6.139	60	25.578	1.885	6.948	585	99		312	292	
2	Bảo Lạc	46.201	1.794		25.729	14.304		765		2.869	376	364	
3	Nguyên Bình	60.822	1.843		44.062	1.180	9.196	765	124	2.887	392	373	
4	Hà Quảng	45.972			28.412	5.118	8.661	945	136	1.500	600	600	
5	Hòa An	29.229	6.447	30	12.489	2.987	5.911	675	93		296	301	
6	Trùng Khánh	37.612	740		23.831	11.402	800				839		
7	Hạ Lang	31.795	374		22.812	6.062	1.383	585			296	283	
8	Quảng Hòa	34.733	904		31.033	1.177		855			380	384	
9	Thạch An	36.159		625	22.452	5.398	4.749	630	96	2.209			
10	TP. Cao Bằng	2.994					2.221	510	25		89	149	

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 950/STC-HCSN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 4 năm 2025

BẢNG TỔNG HỢP

Ý kiến tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Tờ trình số 1125/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc đăng ký bổ sung danh mục xây dựng Nghị quyết trình Kỳ họp thứ 30 (chuyên đề) HĐND khoá XVII, nhiệm kỳ 2021-2026;

Sở Tài chính đã xây dựng và gửi bản dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gửi kèm Công văn số 603/STC-ĐT ngày 04/4/2025 (lấy ý kiến góp ý lần 1); Công văn số 882/STC-HCSN ngày 20/4/2025 (lấy ý kiến lần 2).

- Tại Công văn xin ý kiến lần 1 có 26 cơ quan tham gia ý kiến góp ý bằng văn bản: trong đó có 6 ý kiến nhất trí; 20 ý kiến sửa đổi, bổ sung

(Nội dung góp ý và giải trình theo phụ biểu tổng hợp số 01)

- Tại Công văn xin ý kiến lần 2 có 28 cơ quan tham gia ý kiến góp ý bằng văn bản: trong đó có 20 ý kiến nhất trí; 08 ý kiến sửa đổi, bổ sung

(Nội dung góp ý và giải trình theo phụ biểu tổng hợp số 02)

Trên đây là bảng tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan đối với dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gửi kèm hồ sơ Nghị quyết ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn của Sở;
- Lưu VT, TC- HCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vương Quang Thiên

BIỂU BÁO CÁO TỔNG HỢP (các văn bản góp ý lần 2)

Tiếp thu, giải trình dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
A	Sở, ban, ngành tỉnh		
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhất trí và không có ý kiến góp ý bổ sung	
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Nhất trí với dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết và biểu phân bổ lần 2	
3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Nhất trí với dự thảo Hồ sơ Nghị quyết	
4	Sở Tư pháp	Nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết, nhất trí với dự toán phân bổ	
5	Sở Ngoại vụ	Nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết	
6	Sở Công thương	Nhất trí với nội dung của dự thảo	Điều chuyển nguồn vốn dự án 3:1.208 triệu đồng của Liên minh HTX chuyển cho Sở Công thương do nhu cầu đề xuất bổ sung nguồn vốn thực hiện (CV763/SCT-VP ngày 10/3/2025)
7	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Nhất trí với hồ sơ Nghị quyết	
8	Hội Nông dân	Nhất trí với nội dung các dự thảo hồ sơ	
9	Tỉnh Đoàn thanh niên	Nhất trí với các nội dung trong dự thảo hồ sơ	
10	Đài phát thanh - Truyền hình	Nhất trí các nội dung trình bày trong hồ sơ Nghị quyết	
11	Công An tỉnh	Nhất trí với nội dung dự thảo hồ sơ	
12	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Nhất trí với nội dung dự thảo hồ sơ	

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
13	Sở Nội vụ	Nhất trí với nội dung dự thảo hồ sơ	
14	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhất trí với nội dung dự thảo hồ sơ	
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch bổ sung vốn theo nhu cầu vốn tại Công văn 204/SGDDĐT-KH ngày 24/01/2025 và Công văn số 854/SGDDĐT-KH ngày 08/4/2025, cụ thể: tại Dự án 5: vốn bổ sung năm 2025 là 1.518,596 triệu đồng do nhu cầu vốn là 1.683,436 triệu đồng trong đó 164,84 triệu đồng vốn kéo dài năm 2024	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
16	Liên minh hợp tác xã	Qua rà soát nguồn vốn sự nghiệp chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 là 3.326 triệu đồng, vì vậy năm 2025 không thực hiện phân bổ bổ sung dự án 3: 1.208 triệu đồng, đề nghị chuyển đơn vị khác trên địa bàn	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh nguồn vốn dự án 3: 1.208 triệu đồng sang Sở Công Thương thực hiện do nhu cầu đề xuất của Sở
17	Hội Liên hiệp phụ nữ	Dự án 8: - Vốn giao năm 2023 chuyển sang: 13.804,304 triệu đồng - Vốn giao năm 2024: 19.542 triệu đồng - Thực hiện năm 2024: 6.228, 932 triệu đồng - Vốn năm 2024 chuyển năm 2025: 27.117,372 triệu đồng - Đơn vị dự kiến nhu cầu vốn thực hiện năm 2025: 21.066 triệu đồng Vì vậy, đơn vị đề xuất không phân bổ bổ sung vốn năm 2025 và đề nghị thu hồi 6.051,372 triệu đồng (vốn chuyển từ năm 2024 sang năm 2025)	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
		Dự án 10: - Đơn vị dự kiến nhu cầu vốn thực hiện năm 2025: 45,39 triệu đồng - Dự thảo Nghị quyết đang dự kiến phân bổ: 33 triệu đồng Đơn vị đề xuất bổ sung thêm vốn năm 2025: 12,39 triệu đồng.	Nhất trí tiếp thu bổ sung 12,39 trđ dự án 10 của Ban Tuyên giáo & Dân vận tỉnh ủy do đề xuất chuyển trả
18	Sở Y tế	Dự án 7: - Dự kiến phân bổ tại dự thảo Nghị quyết: 9.438 triệu đồng, - Nhu cầu vốn thực hiện năm 2025: 4.244,9 triệu đồng Đề xuất điều chỉnh giảm (-5.193,1 triệu đồng) do một số đơn vị đã thực hiện xong các nội dung triển khai từ những năm trước do vậy không còn nhu cầu bố trí vốn nữa.	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại các đơn vị chưa thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp do đó chưa có cơ sở thực hiện điều chỉnh
		Dự án 9: nhất trí với dự kiến phân bổ	
		Dự án 10: nhất trí với dự kiến phân bổ	

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
19	Sở Xây dựng	Dự án 10: Không giao bổ sung năm 2025 dự kiến phân bổ 100 triệu đồng do không có nhu cầu sử dụng; Kinh phí năm 2023 chuyển sang (từ Sở Giao thông vận tải cũ) 92,353 triệu đồng đề nghị thu hồi	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh chuyển vốn DA 10: 100 triệu chuyển Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện
	Cấp huyện		
1	Huyện Trùng Khánh	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến chỉnh sửa, bổ sung	
2	Huyện Bảo Lạc	Nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết và nguồn vốn đã điều chỉnh	
3	Huyện Hạ Lang	Nhất trí như nội dung dự thảo	
4	Huyện Nguyên Bình	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết	
5	Huyện Quảng Hoà	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết	
6	Huyện Hà Quảng	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết	
7	Huyện Thạch An	Dự án 5: Dự kiến giao 4.749 triệu đồng đề xuất điều chỉnh giảm (-2.828 triệu đồng) số phân bổ vốn 1.921 triệu đồng. Do nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2022,2023,2024 sang năm 2025 giao cho đơn vị còn rất lớn (4.899,617 triệu đồng), đối tượng thụ hưởng của CTMTQG giảm nghèo và CTMTPTKTXH giống nhau dẫn đến chồng chéo, một số nội dung giao như mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất,...cho Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX là không đúng đối tượng thụ hưởng. Dự án 7: Dự kiến giao 96 triệu đồng, đề xuất điều chỉnh giảm (- 96 triệu đồng). Do nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2022,2023,2024 sang năm 2025 giao cho đơn vị còn rất lớn (183,380 triệu đồng), phòng Y tế đã giải thể, tại huyện có 01 cô đỡ thôn bản do vậy đối tượng thụ hưởng không đảm bảo theo được vốn giao, điều kiện cơ sở vật chất không đảm bảo để triển khai.	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
		Dự án 8: Dự kiến 2.209 triệu đồng, đề xuất điều chỉnh giảm (- 2.209 triệu đồng). Do nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2022,2023,2024 sang năm 2025 giao cho đơn vị còn rất lớn (1.970,742 triệu đồng), một số nội dung huyện không thực hiện được theo Hướng dẫn số 24/HD-ĐCT ngày 06/11/2023 của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, đối tượng có thể triển khai hạn chế so với nguồn vốn được giao.	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
8	Huyện Bảo Lâm	Dự án 8: Dự kiến giao 2.334 triệu đồng, đề xuất điều chỉnh giảm (-2.334 triệu đồng do nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025 thực hiện còn lớn. Đề nghị điều chỉnh tăng cho dự án 3: 1.334 triệu đồng để thực hiện DA hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng được liệu quý..., tăng dự án 4: 1.000 triệu đồng theo nhu cầu duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng.	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
9	Thành phố	Dự án 5: Năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 là 694,052 triệu đồng, nhu cầu năm 2025 là 694 triệu đồng do không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc các nội dung không thực hiện được. Một số nội dung đã được nhiều cấp ngành cung tham gia, vì vậy đề xuất không phân bổ cho Thành phố	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
		Dự án 7: Dự kiến phân bổ 2.994 triệu đồng, đề xuất phân bổ 748 triệu đồng, giảm (-2.246 triệu đồng) để phù hợp với nhu cầu thực tế	
		Dự án 6, 9, 10 nhất trí như dự kiến phân bổ	

BIỂU BÁO CÁO TỔNG HỢP (các văn bản góp ý lần 1)

Tiếp thu, giải trình dự thảo Nghị quyết phân bổ bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
A	Sở, ban, ngành tỉnh		
1	Sở Nông nghiệp & môi trường	Nhất trí hồ sơ dự thảo và đề nghị bổ sung nguồn vốn thực hiện Chương trình	Nhất trí tiếp thu
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đề xuất điều chỉnh dự án 10 là 83 tr/đ do không còn nhu cầu thực hiện	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
		Đề xuất điều chỉnh giảm các nguồn vốn dự án 5 (5.763 trđ) xuống còn 1.420tr.đ	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
3	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Nhất trí	
4	Sở Nội vụ (497/SNV-VP ngày 9/4/2025)	Phụ lục 2 có 02 dòng (STT 5 và STT 13) đề nghị chỉnh sửa lại. (2) Tổng vốn dự kiến phân bổ năm 2025 cho Sở Nội vụ là 2.646 triệu đồng, đề nghị điều chỉnh giảm: 1.066 triệu đồng, số vốn phân bổ sau khi điều chỉnh là 1.580 triệu đồng. Cụ thể: - Đối với Dự án 8: Đề nghị phân bổ vốn năm 2025 là 575 triệu đồng (điều chỉnh giảm 01 tỷ đồng). Dự án 8, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Cao Bằng hiện nay giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (hiện nay là Sở Nội vụ) chủ trì lại. Do đó, Sở Nội vụ đề nghị điều chỉnh giảm 01 tỷ đồng để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. - Đối với Dự án 10: Đề nghị không phân bổ vốn năm 2025: 66 triệu đồng do Vốn năm trước chuyển sang năm 2025 đảm bảo đủ để thực hiện các nội dung tại Dự án 10.	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
5	Sở Văn hóa -TT &DL tỉnh	Đối với vốn Sự nghiệp giao là: 4.840 triệu đồng,tuy nhiên số vốn trên chưa đáp ứng được thực tế nhu cầu vốn của Sở VH-TTDL đề xuất bố trí bổ sung nguồn vốn	Nhất trí tiếp thu, tổng hợp báo cáo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khi có đề xuất điều chỉnh của các đơn vị khác chuyển tra nguồn vốn
6	Sở Y tế	Đề xuất giảm Tiểu dự án 2, Dự án 3 không giao vốn cho Sở Y tế.	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh giao Sở Nông nghiệp và môi trường thực hiện
		Đề xuất giảm Dự án 7 (9.438 tr.đ) giảm còn 4.244,9 triệu đồng do không có nội dung thực hiện	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
7	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	Đề nghị không bổ sung nguồn vốn năm 2025	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
8	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Đề nghị điều chuyển nguồn vốn dự án 10 là 166 tr.đ cho các đơn vị khác thực hiện	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
9	Sở Xây dựng		
10	Sở Công Thương (CV763/SCT-VP ngày 10-3-2025)	Nhất trí theo đối với nguồn vốn giao bổ sung đồng thời đề xuất bổ sung đủ nguồn vốn dự án 3 theo nhu cầu thực tế: 5.002tr.đ	Nhất trí tiếp thu tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định khi có đơn vị đề nghị chuyển trả cho đơn vị khác tiếp nhận
11	Công an tỉnh		
12	Ban Tuyên giáo &Dân vận tỉnh ủy		
13	Sở Tư pháp	Nhất trí	
14	Sở Khoa học và Công nghệ	1. Vốn sự nghiệp: Đề xuất điều chuyển nguồn vốn dự án 3 số vốn 4,832 triệu đồng sang cho Sở Nông nghiệp và môi trường	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
		2. Vốn đầu tư: Đề xuất chuyển toàn bộ kế hoạch vốn dự án 10 sang cho Sở Văn hóa thực hiện do chuyển chức năng nhiệm vụ	Đề xuất giữ nguyên do chức năng vẫn thuộc Sở Khoa học quản lý thực hiện

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
15	Liên minh Hợp tác xã tỉnh		
16	Hội Nông dân tỉnh (1682/CV-HND ngày 14/4/2025	Vốn sự nghiệp: Đề nghị điều chỉnh giảm nguồn vốn + nội dung số 01, tiểu dự án 2, dự án 3 điều chỉnh giảm từ 1.208 triệu đồng xuống còn 850 triệu đồng. + tiểu dự án 3, dự án 10 điều chỉnh giảm từ 33 triệu đồng xuống còn 15 triệu đồng. - Lý do: Để đảm bảo phù hợp với quy mô triển khai dự án và đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn năm 2025.	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
17	Sở Ngoại vụ	Nhất trí	
18	Thanh tra tỉnh	Nhất trí	
19	Tỉnh Đoàn Thanh niên	Nhất trí	
20	Ban quản lý ĐT&XD tỉnh	Nhất trí	
B	Cấp huyện		
1	Bảo Lâm	1. Vốn đầu tư: Đề xuất giảm Dự án 4 là 105 triệu đồng, dự án 5 là 5 triệu đồng, dự án 9 là 14 triệu đồng, dự án 10 là 4.163 triệu đồng:	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
		2. Vốn sự nghiệp: nhất trí	
2	Bảo Lạc	1. Vốn đầu tư: Tại phụ lục 01 kèm theo Dự thảo Nghị quyết đối với huyện Bảo Lạc dự kiến phân bổ vốn là: 2.532 triệu đồng, trong đó: (Dự án 1: 1.131 triệu đồng, Dự án 6: 522 triệu đồng; Dự án 9: 879 triệu đồng), đề xuất điều chỉnh giảm vốn dự án 9: 879 triệu tăng cho dự án 1	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
		2. Vốn sự nghiệp: Đề xuất điều chỉnh kinh phí đối với dự án 2, dự án 5, dự án 7 với tổng kinh phí là: 13.197 triệu đồng, tăng cho tiểu dự án 1, Dự án 4	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
3	Nguyễn Bình	1. Vốn đầu tư: Đề xuất điều chỉnh giảm dự án 1 (757tr.đ), dự án 3 (13.250tr.đ), dự án 6 (560tr.đ), dự án 10: 3.927 triệu đồng	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
		2. Vốn sự nghiệp đề nghị giảm dự án 1 là 1.843 triệu đồng; Dự án 4: 1.180 triệu đồng và dự án 8 là 2.887 triệu đồng do hết đối tượng, nội dung thực hiện,	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
4	Hà Quảng	1. Đối với nguồn vốn đầu tư: điều chỉnh giảm nguồn vốn giao thực hiện dự án 1, dự án 6 sang thực hiện các nội dung dự án 4. - Đề xuất điều chỉnh giảm 601 triệu nguồn vốn giao thực hiện dự án 5 để chuyển sang thực hiện các nội dung dự án 4. Số kinh phí bổ sung thực hiện dự án 5 sau điều chỉnh là 89 triệu đồng chẵn	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
		2. Đối với nguồn vốn sự nghiệp : Dự án 1: Giảm toàn bộ số kinh phí dự kiến giao thêm là 3.712 triệu đồng sang bổ sung thực hiện dự án 4 là 3.369 triệu đồng; bổ sung thực hiện dự án 9 là 172 triệu đồng, bổ sung thực hiện dự án 10 là 171 triệu đồng; Dự án 2 là 08 triệu đồng điều chỉnh giảm sang thực hiện dự án 4; Dự án 5: Điều chỉnh giảm 375 triệu đồng sang thực hiện dự án 4; Dự án 8: Đề xuất điều chỉnh giảm 1.938 triệu đồng sang thực hiện các nội dung dự án 3.	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
5	Hòa An	Đề nghị chuyển nguồn vốn 2.138 triệu tại Dự án 8 sang thực hiện nội dung tại Dự án 4:	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
6	Trùng Khánh	Đề xuất điều chỉnh phân bổ nguồn vốn (Vốn sự nghiệp) của các dự án năm 2025 như sau: - Dự án 1: Dự kiến phân bổ 2.057 triệu đồng, qua rà soát trên địa bàn huyện nhu cầu thực hiện là 740 triệu đồng, số kinh phí còn lại đề nghị chuyển sang thực hiện Dự án 3 là 1.317 triệu đồng. - Dự án 5: Dự kiến phân bổ 6.643 triệu đồng, qua rà soát trên địa bàn huyện nhu cầu thực hiện là 800 triệu đồng, số kinh phí còn lại đề nghị chuyển sang thực hiện Dự án 4 là 5.843 triệu đồng. - Dự án 6,7,8: Đề nghị chuyển sang thực hiện Dự án 4 (Do các đơn vị không có nhu cầu; kinh phí các năm trước chuyển nguồn sang chưa thực hiện được hết). - Dự án 10: Đề nghị chuyển sang thực hiện Dự án 9 (Do các đơn vị không có nhu cầu; kinh phí các năm trước chuyển nguồn sang chưa thực hiện được hết).	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
7	Hạ Lang	1. Vốn đầu tư đề xuất điều chỉnh giảm dự án 10 số vốn 2.433 triệu đồng, sang dự án 4. Do nội dung chi chưa phù hợp tại địa phương. 2. Vốn sự nghiệp: Dự án 1 đề xuất điều chỉnh giảm dự án 1 số vốn 5.510 triệu đồng, sang dự án 3 do qua rà soát trên địa bàn huyện không có đối tượng tham gia dự án; điều chỉnh giảm các dự án 5 (2.683tr), dự án 7(94tr), dự án 8 (2.388tr) để tăng dự án 4 số vốn 5.165 triệu đồng.	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
8	Quảng Hòa	1. Vốn đầu tư: Dự án 1 là 42 triệu đồng đề xuất điều chỉnh vốn sang dự án 4; Dự án 2 điều chỉnh giảm sang dự án 4 cùng chương trình 145 triệu đồng; Dự án 4 đề xuất điều chỉnh tăng vốn cho dự án 4 là 4.293 triệu đồng; Dự án 5 điều chỉnh vốn còn lại là 180 triệu đồng sang dự án 4; Dự án 6 điều chỉnh vốn còn lại là 64 triệu đồng sang dự án 4; Dự án 10 đề xuất điều chỉnh giảm 3.476 triệu đồng sang dự án 4. 2. Đối với vốn sự nghiệp: Dự án 2: đề xuất điều chỉnh giảm vốn sang dự án 3 là 29 triệu đồng; Dự án 3: Đề xuất điều chỉnh tăng vốn cho từ dự án 8 là 884 triệu đồng.; Dự án 5: đề xuất điều chỉnh giảm sang dự án 3 là 5.758 triệu đồng; Dự án 7 điều chỉnh giảm sang dự án 3 là 121 triệu đồng; Dự án 8 đề xuất điều chỉnh sang dự án 3 cùng chương trình 2.976 triệu đồng.	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh Nhất trí tiếp thu điều chỉnh

TT	CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG	Nội dung góp ý thẩm định dự thảo Nghị quyết	Ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình của cơ quan soạn thảo
9	Thạch An (đã điều chỉnh theo công văn số 653 thay thế CV634)	1. Vốn đầu tư: Dự án 10 : 1.395 triệu đồng đề nghị điều chỉnh giảm chuyển sang Dự án 1 : 840 triệu đồng	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
		2. Vốn sự nghiệp: Đề nghị điều chỉnh giảm Dự án 1 là 4.540 triệu đồng vốn giao cho Dự án 4 (4.540tr.đ); điều chỉnh giảm Dự án 9 (304 triệu đồng), dự án 10 (296 tr.đ) sang thực hiện dự án 2 là 600 tr.đ	Nhất trí tiếp thu điều chỉnh
		Đề xuất điều chỉnh giảm các dự án: Dự án 5 là 2.828 triệu đồng (chỉ phân bổ vốn: 1.921 triệu đồng); Dự án 8 : 2.209 triệu đồng; Dự án 7 : 96 triệu đồng: do nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2022, 2023, 2024 sang năm 2025 thực hiện còn lớn, ngoài ra không có cơ quan chức năng thực hiện (phòng Y tế đã giải thể) hiện đang được giao cho công chức phụ trách Y tế của Văn phòng HĐND&UBND thực hiện, đối tượng thụ hưởng của dự án không đảm bảo theo thực tế vốn giao (hiện nay trên địa bàn huyện chỉ chi trả phụ cấp cho 01 cô đỡ thôn bản), điều kiện cơ sở vật chất để triển khai thực hiện các nội dung của dự án không đảm bảo	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện
10	TP. Cao Bằng	2. Vốn sự nghiệp: Đề nghị không bổ sung vốn sự nghiệp trong năm 2025 đối với Dự án 5 và Dự án 7 do hết đối tượng thực hiện và nguồn vốn kéo dài 2024 sang thực hiện năm 2025 đã đáp ứng đủ nhu cầu	Đề xuất giữ nguyên như dự kiến do đề xuất điều chỉnh giảm của đơn vị đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có ý kiến đề xuất tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 354 /SDTTG-CSDT
V/v giải trình bổ sung nội dung giải
trình về dự kiến phân bổ bổ sung dự
toán chi thường xuyên ngân sách nhà
nước năm 2025 thực hiện CTMTQG
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào DTTS & MN (lần 3)

Cao Bằng, ngày 23 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng

Thực hiện công văn số 926/STC-HCSN ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài chính, V/v bổ sung nội dung giải trình về dự kiến phân bổ bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (lần 3).

Sở Dân tộc và Tôn giáo giải trình bổ sung cụ thể như sau:

1. Đối với ý kiến liên quan đến trường hợp các cơ quan, đơn vị đề xuất giảm nhưng chưa điều chỉnh giảm do chưa có đơn vị tiếp nhận đề nghị bổ sung thêm hướng xử lý trong thời gian tới tránh tồn đọng vốn tại đơn vị không giải ngân được.

Trả lời: Toàn tỉnh tổng nguồn vốn đề xuất chuyển trả là **55 tỷ 597 triệu đồng** (*Sở giáo dục đào tạo, Sở y tế, Sở Nội vụ, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An, Thành phố Cao Bằng*): Sở Dân tộc và Tôn giáo đề xuất giữ nguyên phương án tiếp tục giao cho các đơn vị theo dự kiến đã phân bổ do đến thời điểm hiện tại chưa có đơn vị có khả năng tiếp nhận bổ sung nguồn vốn thực hiện (*có biểu cho tiết đính kèm*).

* Đề xuất phương án xử lý đối với các nguồn vốn chuyển trả tạm thời chưa chấp nhận:

Do hiện nay nguồn vốn các đơn vị đề xuất chuyển trả chưa có các cơ quan đơn vị tiếp nhận và các sở ngành, UBND các huyện, thành phố đang thực hiện quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, việc điều chỉnh ngay tại thời điểm này là chưa thực sự phù hợp, hiệu quả. Do vậy trong thời gian tới, sau khi các địa phương hoàn thành sáp nhập, ổn định cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cấp

tỉnh và cấp cơ sở, Sở Dân tộc và Tôn giáo sẽ tiếp tục phối hợp với Sở Tài chính căn cứ khoản 2, Điều 4, Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội, tiếp tục tham mưu UBND trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh trong kỳ họp giữa năm 2025 sẽ đảm bảo phát huy được nguồn vốn phân bổ.

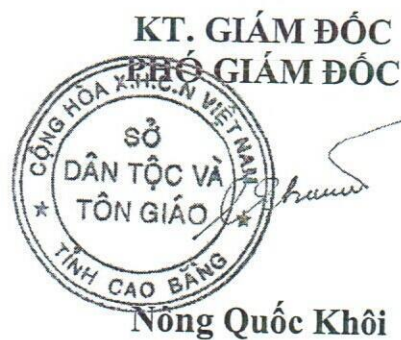
2. Đối với ý kiến đề nghị Sở Dân tộc và Tôn giáo bổ sung thêm phần thuyết minh cơ sở tính, căn cứ phân phân bổ theo quy định tiêu chí, định mức phân bổ tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng để xác định dự toán phân bổ cho các sở, ngành và cấp huyện để gửi kèm hồ sơ trình thẩm tra các Ban Hội đồng và hồ sơ trình kỳ họp.

Ý kiến trả lời: Nội dung trả lời theo phụ biểu thuyết minh phương án phân bổ kế hoạch bổ sung nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 gửi kèm công văn này.

Trên đây là ý kiến của Sở Dân tộc và Tôn giáo gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- CSDT;
- Lưu: VT, CSDT_(QT)





PHỤ BIỂU THUYẾT MINH
phương án phân bổ kế hoạch bổ sung nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương
trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi năm 2025

*(Gửi kèm theo Công văn số /SDTTG-CSDT ngày /4/2025
của Sở Dân tộc và Tôn giáo)*

Công tác tham mưu phân bổ kinh phí chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025 Sở dự kiến phân bổ được thực hiện bởi các căn cứ:

Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng- Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội ngày 18 tháng 01 năm 2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về sửa đổi, bổ sung điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng.

- Tờ trình số 40/TTr-BTC ngày 21/02/2025 của Bộ Tài chính về bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025 của các bộ, cơ quan trung ương và các địa

phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (trong đó có chi tiết mức vốn cho từng dự án của Chương trình tỉnh Cao Bằng).

Tổng kinh phí ngân sách trung ương dự kiến bổ sung cho Cao Bằng là vốn sự nghiệp là 450.088 triệu đồng.

Trên cơ sở nguồn vốn Thủ tướng Chính phủ giao, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã thực hiện tuân thủ nghiêm túc tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và dự kiến phương án phân bổ nguồn vốn.

Tổng kinh phí ngân sách trung ương dự kiến bổ sung cho Cao Bằng là vốn sự nghiệp là 450.088 triệu đồng, trong đó:

+ Phân bổ bổ sung dự toán cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 82.673 triệu đồng.

+ Phân bổ bổ sung dự toán cho các huyện, thành phố: 367.415 triệu đồng.

Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay do cơ chế thực hiện chương trình của một số dự án (dự án 1,5,7,8,9,10..) chưa đầy đủ do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan và do nguồn vốn các năm kéo dài sang thực hiện năm 2025 lớn, hết đối tượng hỗ trợ, cụ thể

+ Tổng nguồn vốn kéo dài năm 2022, 2023, 2024 thực hiện sang năm 2025 rất lớn 743.569 triệu đồng, chiếm 17% tổng số vốn đã cấp (*vốn đầu tư 185.177 triệu đồng; vốn sự nghiệp; 558.392 triệu đồng riêng vốn sự nghiệp chiếm 29%*).

+ Dự án 1 (*hỗ trợ chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán*..) Hiện nay các huyện đang sử dụng các nguồn vốn kéo dài được phép chuyển nguồn để thực hiện, đồng thời hết đối tượng (hộ nghèo) thực hiện như huyện Nguyên Bình, Hà Quảng, Trùng Khánh, Hạ Lang, Thạch An.

- Dự án 2: Huyện Bảo Lạc nội dung hỗ trợ đã hoàn thành và được thực hiện lồng ghép hỗ trợ từ nguồn vốn khác; dự án chưa hoàn thành (huyện Quảng Hòa, Bảo Lâm).

- Dự án 5: Nội dung mua sắm trang thiết bị trường học và việc sửa chữa cơ sở vật chất, xóa mù chữ hiện nay Sở GD &ĐT, các huyện đang sử dụng các nguồn vốn kéo dài **103.860 triệu đồng** được phép chuyển nguồn để thực hiện và mua sắm trang thiết bị đào tạo của Trung tâm GDTX-GDNN không thực hiện được do Trung tâm GDTX-GDNN không phải là đối tượng thụ hưởng kinh phí của

Chương trình giai đoạn 2021-2025 nếu giao thêm thì sẽ không có nội dung thực hiện để giải ngân vốn.

- Dự án 7: Căn cứ Công văn số 4178/SYT-KHTC ngày 6 tháng 9 năm 2022 của Sở Y tế thực hiện Dự án 7 cấp huyện chỉ thực hiện nội dung hỗ trợ cô đỡ thôn bản, điểm tiêm chủng ngoài trạm...: Do hết đối tượng hỗ trợ, hết nhiệm vụ chi (*Bảo Lạc, Trùng Khánh Hạ Lang, Quảng Hòa*) và nguồn vốn kéo dài sang năm 2025 lớn (Sở Y tế trên 4 tỷ, *Bảo Lạc 455tr, Trùng Khánh 256tr, Hạ Lang 441tr*) nếu giao thêm thì sẽ không có nội dung thực hiện để giải ngân vốn.

- Dự án 8: Tổng nguồn vốn kéo dài lớn toàn tỉnh là 43.479 triệu đồng (*Phụ nữ 27.117 triệu đồng, cấp huyện 15.478 triệu đồng*); Hoạt động 1, Nội dung 2 mô hình Tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản vẫn chưa thực hiện được do chưa có văn bản hướng dẫn phương án xử lý.

- *Tiểu Dự án 1 Dự án 9*: Nguồn vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang thực hiện của 9 huyện lớn 15.478 triệu đồng; hiện nay vẫn đang thực hiện tạm dừng nội dung tiểu dự án 1 dự án 9 (Công văn số 1017/UBND-DTTS của Ủy Ban Dân tộc) do đó khó triển khai thực hiện

- Dự án 10:

+ Tiểu dự án 2, Dự án 10: Nội dung thực hiện được quy định Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt “*Đề án chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*” và Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình, Công văn số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì hầu hết các nội dung thực hiện đều sử dụng vốn sự nghiệp, rất khó sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện.

+ Tiểu dự án 3, Dự án 10: Ủy ban Dân tộc chưa đưa vào vận hành và tổ chức tập huấn về hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình theo Điều 7 Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm đưa vào vận hành và tổ chức tập huấn về hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng

dụng các giải pháp số hóa của Chương trình. Mặt khác, nguồn vốn giao thực hiện kiểm tra, giám sát lớn nhưng cơ chế hướng dẫn nội dung chỉ còn hạn chế

Các phương án phân bổ đã được điều chỉnh giữa phân bổ theo tiêu chí tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và điều chỉnh thực tế theo đề xuất của các đơn vị điều chỉnh từ các dự án khó triển khai sang các dự án khác có khả năng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội. cụ thể như sau

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

Nội dung thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán.

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 33.320 triệu đồng (Trong đó hỗ trợ chuyển đổi nghề 17.510 triệu đồng tương đương với nhu cầu 1.751 hộ; nước sinh hoạt phân tán 15.810 triệu đồng tương đương với nhu cầu 5.270 hộ).

Đối với nội dung nước sinh hoạt phân tán tổng điểm toàn tỉnh là 1.094,91 điểm thực hiện việc phân bổ như sau (theo biểu tính Điểm1 và Dự án 1):

+ Huyện Bảo Lâm là 152,19 điểm tương đương 2.199 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Đối với nội dung chuyển ngành nghề tổng điểm toàn tỉnh là 599,5 điểm thực hiện việc phân bổ như sau (theo biểu tính Điểm 1 và Dự án 1):

+ Huyện Bảo Lâm là 135 điểm tương đương 3.940 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 18.241 triệu đồng (điều chỉnh giảm 15.079 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh tăng, giảm nội bộ giữa các dự án nhưng không làm thay đổi tổng mức vốn dự kiến giao của huyện gồm: huyện Hà Quảng (3.712 triệu đồng), Trùng Khánh (1.317 triệu đồng), Hạ Lang (5.510 triệu đồng), Thạch An (4.540 triệu đồng)).

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết:

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 192 triệu đồng do không có đơn vị đăng ký nhu cầu nên thực hiện phân bổ theo tỷ lệ điểm của vốn đầu tư 1.521,15 điểm (tại biểu Điểm 2 và Dự án 2).

+ Huyện Bảo Lâm là 479,2 điểm tương đương 60 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 715 triệu đồng (điều chỉnh tăng 523 triệu đồng cho huyện Thạch An so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết).

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị:

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 241.573 triệu đồng, cụ thể:

- Tiêu dự án 1 là 120.783 triệu đồng tương đương tổng điểm toàn tỉnh là 13.503 điểm thực hiện việc phân bổ như sau (theo biểu tính Điểm3a và Dự án 3):

+ Huyện Bảo Lâm là 1.871,2 điểm tương đương 2.549 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

- Tiêu dự án 2 là 120.790 triệu đồng

Trong đó:

+ Nội dung 1: HTPTSX theo chuỗi giá trị là 102.430 triệu đồng (vốn các Sở không quá 20% là 24.158 triệu đồng; cấp huyện 78.272 triệu đồng) tương đương tổng điểm toàn tỉnh là 4.643,95 điểm thực hiện việc phân bổ như sau (theo biểu tính Điểm 3b và Dự án 3):

Huyện Bảo Lâm là 445,4 điểm tương đương 7.507 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

+ Nội dung 2: Vùng trồng dược liệu là 18.360 triệu đồng (tương đương không quá 19% tổng số vốn giao cho huyện, phân bổ trực tiếp cho huyện Nguyên Bình).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 260.556 triệu đồng (điều chỉnh giảm 19.983 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh tăng nội bộ giữa các dự án của các huyện Bảo Lâm, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Hạ Lang Quảng Hòa).

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc:

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 9.539 triệu đồng.

Thực hiện phân bổ hỗ trợ Duy tu, bảo dưỡng tổng điểm toàn tỉnh là 1.449,06 điểm thực hiện việc phân bổ như sau (theo biểu tính Điểm 4b và Dự án 4):

+ Huyện Bảo Lâm là 134,5 điểm tương đương 885 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 49.513 triệu đồng (điều chỉnh tăng 39.974 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh tăng nội bộ giữa các dự án của các huyện Bảo Lâm (1.000 triệu đồng), Bảo Lạc (13.197 triệu đồng); Hà Quảng (3.752 triệu đồng); Hòa An (2.138 triệu đồng), Trùng Khánh (10.182 triệu đồng), Hạ Lang (5.165 triệu đồng); Thạch An (4.540 triệu đồng).

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Thực hiện phân bổ theo các tiểu dự án: Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 93.621 triệu đồng.

Tiểu dự án 1 tổng vốn 40.820 triệu đồng tương đương tổng điểm 42.500 (Biểu điểm 5a Dự án 5).

+ Huyện Bảo Lâm là 4.500 điểm tương đương 4.322 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Tiểu dự án 3 tổng vốn 33.514 (sở Nội vụ không quá 3% là 1.005 triệu đồng, cấp huyện không quá 97% là 32.509 triệu đồng) tương đương tổng điểm 2.977,8 (Biểu điểm 5b Dự án 5).

+ Huyện Bảo Lâm là 240,485 điểm tương đương 2.625 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Tiểu dự án 4 là 19.287 triệu đồng (trực tiếp giao cho Sở Dân tộc và Tôn giáo)

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 65.924 triệu đồng (điều chỉnh giảm 27.697 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh giảm nội bộ dự án nhưng làm thay đổi dự kiến tổng vốn đã giao của huyện: huyện Bảo Lạc (13.038 triệu đồng); Hà Quảng (375 triệu đồng); Hòa An (2.138 triệu đồng), Trùng Khánh (5.843 triệu đồng), Hạ Lang (2.683 triệu đồng); Quảng Hòa (5.758 triệu đồng)

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch:

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 12.100 triệu đồng (Sở Văn hóa không quá 60% là 4.840 triệu đồng; cấp huyện 40% là 7.260 triệu đồng tương đương tổng điểm toàn tỉnh là 9.679,2 điểm - theo biểu tính điểm 6 Dự án 6).

+ Huyện Bảo Lâm là 780 điểm tương đương 585 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 11.155 triệu đồng (điều chỉnh giảm 945 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh giảm nội bộ dự án huyện Trùng Khánh)

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em:

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 10.478 triệu đồng. (Sở Y tế tối thiểu 90% là 9.438 triệu đồng; cấp huyện 10% là 1.040 triệu đồng tương đương tổng điểm toàn tỉnh là 6.815 điểm - theo biểu tính điểm 7 Dự án 7).

+ Huyện Bảo Lâm là 650 điểm tương đương 99 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 10.011 triệu đồng (điều chỉnh giảm 467 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh giảm nội bộ dự án nhưng không làm thay đổi dự kiến tổng vốn đã giao của huyện gồm: huyện Bảo Lạc (119 triệu đồng); Trùng Khánh (133 triệu đồng); Hạ Lang (94 triệu đồng); Quảng Hòa (121 triệu đồng)).

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em:

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 35.000 triệu đồng (cấp tỉnh phân bổ 30% tổng vốn là 10.500 triệu đồng; cấp huyện 70% tổng vốn là 24.500 triệu đồng tương đương tổng điểm toàn tỉnh là 1.375 điểm - theo biểu tính điểm 8 Dự án 8).

+ Huyện Bảo Lâm là 131 điểm tương đương 2.334 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 19.965 triệu đồng (điều chỉnh giảm 15.035 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh giảm nội bộ dự án nhưng không làm thay đổi dự kiến tổng vốn đã giao của huyện gồm: huyện Bảo Lâm (2.334 triệu đồng), Hà Quảng (1.938 triệu đồng), Hòa An (2.138 triệu đồng), Trùng Khánh (3.261 triệu đồng), Hạ Lang (2.388 triệu đồng), Quảng Hòa (2.976 triệu đồng)).

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn:

Thực hiện nội dung Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 6.578 triệu đồng (cấp tỉnh 3.289 triệu đồng, cấp huyện là 3.289 triệu đồng, tương đương 411 điểm - theo biểu điểm 9b Dự án 9)

+ Huyện Bảo Lâm là 39 điểm tương đương 312 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 6.869 triệu đồng (điều chỉnh tăng 291 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh giảm nội bộ dự án nhưng không làm thay đổi dự kiến tổng vốn đã giao của huyện gồm: huyện Hà Quảng(172 triệu đồng), Trùng Khánh(423 triệu đồng), Thạch An(304 triệu đồng)).

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình:

Dự kiến phân bổ kinh phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND là: 7.621 triệu đồng

Tiểu dự án 1 là 4.559 triệu đồng (cấp tỉnh là 2.735 triệu đồng (60%); cấp huyện là 1.824 triệu đồng (40%) tương đương 4.347 điểm).

+ Huyện Bảo Lâm là 351 điểm tương đương 147 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Tiểu dự án 3 là 3.128 triệu đồng (cấp tỉnh là 1.658 triệu đồng (53%); cấp huyện là 1.470 triệu đồng (47%) tương đương 661 điểm).

+ Huyện Bảo Lâm là 65 điểm tương đương 145 triệu đồng (các đơn vị khác tính tương tự).

Điều chỉnh phân bổ lại theo thực tế là: 7.139 triệu đồng (điều chỉnh tăng 548 triệu đồng so với dự kiến phân bổ theo nghị quyết do điều chỉnh tăng cho các đơn vị khó thực hiện sang đơn vị có khả năng giải ngân gồm cho Sở Dân tộc và Tôn giáo (388 triệu đồng); Hội Liên hiệp phụ nữ (12 triệu đồng) do giảm Hội Nông Dân (18 triệu đồng), Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy (33 triệu đồng), Sở Xây dựng (100 triệu đồng); Ủy Ban MTTQ tỉnh (166 triệu đồng) và giảm nội bộ dự án nhưng không làm thay đổi dự kiến tổng vốn đã giao của đơn vị gồm: huyện Hà Quảng (171 triệu đồng), Trùng Khánh (423 triệu đồng), Thạch An (296 triệu đồng)).